TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26/2024/Q□ST- DS	*Ứng Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Hồng Lĩnh – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - phòng XLN KHCN MB 01. (*Theo giấy ủy quyền số 697A/2023/UQ-LCC KHCN MB 01 ngày 08/8/2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1980.

Bà Lê Thị T1, sinh năm 1983.

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn Dư Xá, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Linh, sinh năm 2004;
- Chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 2003;
- Chị Nguyễn Thị Quỳnh Liên, sinh năm 2008;
- Cháu Nguyễn Như Thành Long, sinh năm 2012;

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn Dư Xá, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1. Xác nhận nợ: Bị đơn - vợ chồng anh Nguyễn Như T chị Lê Thị T1 (*gọi tắt là vợ chồng T T1)* xác nhận có vay vốn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*viết tắt là: Ngân hàng*) thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng tổng số tiền (tạm tính đến hết ngày 05/3/2024) là 567,756,932đồng *(Năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi hai đồng),* trong đó: nợ gốc là: 391,568,705đồng *(Ba trăm chín mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm linh năm đồng*), nợ lãi trong hạn là: 11,101,729đồng (*Mười một triệu một trăm linh một nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là: 140,045,659đồng *(Một trăm bốn mươi triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng);* Nợ lãi chậm trả: 13,793,875đồng (*Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) nợ thẻ tín dụng: 11,246,964đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng)*.

2.2. Các bên thoả thuận về thời hạn, ph□ơng thức thanh toán nh□ sau:

- Phương thức và thời gian trả nợ: Chậm nhất đến hết ngày 31/3/2024, vợ chồng T T1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (tạm tính đến hết ngày 05/3/2024) là 567,756,932đồng *(Năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi hai đồng),* trong đó: nợ gốc là: 391,568,705đồng *(Ba trăm chín mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm linh năm đồng*), nợ lãi trong hạn là: 11,101,729đồng (*Mười một triệu một trăm linh một nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là: 140,045,659đồng *(Một trăm bốn mươi triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng);* Nợ lãi chậm trả: 13,793,875đồng (*Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) nợ thẻ tín dụng: 11,246,964đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng).*

- Về lãi suất: Vợ chồng T1 T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh trên số d- nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã đ- ợc thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết nêu trên kể từ ngày 06/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

- Trường hợp vợ chồng T T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nêu trên (vi phạm số tiền trả, thời gian trả,…) thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng, cụ thể là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 865 + 866, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại xóm 2, thôn Dư Xá, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, Giấy CNQSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số CR 051055, số vào sổ cấp GCN: CS-UH 03057 do sở

tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29/8/2019 cho ông Nguyễn Như T bà Lê Thị T1, Hợp đồng thế chấp số công chứng 192/2020; quyển số: 01-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2020 tại văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/01/2020 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng T T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Tr- ờng hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 13.355.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0058204 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ứng Hoà.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

Nguyễn Thành Trung